BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 622 /TB-BVTN

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v công bố Bệnh viện Thống Nhất đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khoẻ (lần 7)

Căn cứ Nghị đinh số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám chữa bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ.

Bệnh viện Thống Nhất thông báo về việc đáp ứng đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khoẻ

1. Tên cơ sở công bố: **BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT**

2. Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 224/BYT-GPHĐ, do Bộ Y tế cấp ngày 26 tháng 5 năm 2014;

3.Địa chỉ: số 01 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh

4.Người chịu trách nhiệm chuyên môn: PGS.TS. BS. Lê Đình Thanh

5. Điện thoại liên hệ: (028) 38690277

6. Đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

- Chuyên khoa II/ Chuyên khoa I/ Thạc sĩ/ Nội trú: Da liễu
- Chuyên khoa II - Nội khoa
- Chuyên khoa II- Ngoại khoa
- Chuyên khoa I/ Thạc sĩ - Dinh dưỡng lâm sàng

7. Danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người đang thực hành (đính kèm hồ sơ đề nghị công bố)

8. Trách nhiệm của Bệnh viện Thống Nhất:

- Đảm bảo các yêu cầu của cơ sở thực hành theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính Phủ;
- Phối hợp với cơ sở giáo dục bảo đảm chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành;
- Xác nhận kết quả thực hành của người học thực hành.

Bệnh viện Thống Nhất trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị tổ chức, cá nhân liên quan được biết./.

Nơi nhận:
- Cục KHCN và Đào tạo, Bộ Y tế
- Các trường Đại học đào tạo khối Ngành sức khỏe;
- Cổng thông tin điện tử BV Thống Nhất;
- Lưu: VT, P.ĐT-CĐT (MN/03b)

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

Lê Đình Thanh

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 621 /BVTN - ĐT- CĐT

v/v cơ sở khám, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành (lần 7)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khoẻ (lần 7)

Kính gửi: Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo – Bộ Y tế

Tên cơ sở công bố: **Bệnh viện Thống Nhất**

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 224/BYT-GPHĐ, do Bộ Y tế cấp ngày 26 tháng 5 năm 2014;

Địa chỉ: số 01 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: PGS.TS. BS. Lê Đình Thanh

Điện thoại liên hệ: (028) 38690277

Căn cứ Nghị định số:111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: *(Phụ lục 1)*

2. Trình độ đào tạo thực hành:

- Chuyên khoa II/ Chuyên khoa I/ Thạc sĩ/ Nội trú: Da liễu *(Phụ lục 1)*
- Chuyên khoa II - Nội khoa *(Phụ lục 1)*
- Chuyên khoa II- Ngoại khoa (Phụ lục 1)
- Chuyên khoa I/ Thạc sĩ - Dinh dưỡng *(Phụ lục 1)*

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa: *(Phụ lục 1)*

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: *(Phụ lục 2)*.

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: *(Phụ lục 2)*

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Phụ lục 3)

TT	KHOA	SỐ GIƯỜNG
I	**Nội khoa**	
1.	Nội tim mạch	60

TT	KHOA	SỐ GIƯỜNG
2.	Tim mạch cấp cứu can thiệp	50
3.	Nhịp tim	54
4.	Hồi sức tích cực và chống độc	25
5.	Nội Thần kinh	58
6.	Nội Tiêu hóa	50
7.	Nội tiết	50
8.	Nội cơ xương khớp	40
9.	Nội nhiễm	52
10.	Nội thận - lọc máu	26
11.	Nội Hô hấp	60
12.	Ung bướu	56
13.	Y học cổ truyền	24
14.	Da liễu - Miễn dịch dị ứng	30
II	**Ngoại khoa**	
15.	Ngoại tiêu hóa	60
16.	Ngoại gan mật tụy	50
17.	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	54
18.	Ngoại thần kinh	50
19.	Ngoại lồng ngực mạch máu	52
20.	Ngoại tiết niệu	52
21.	Phẫu thuật Gây mê hồi sức	20
22.	Phẫu thuật hàm mặt – Tạo hình thẩm mỹ	19
23.	Mắt	18
24.	Tai mũi họng	21
III	**Cấp cứu**	
IV	**Dinh dưỡng lâm sàng**	
V	**Dược**	
VI	**Hóa sinh**	
VII	**Huyết học**	
VIII	**Vi sinh**	
IX	**Giải phẫu bệnh**	
	Tổng số:	**1031**

Bệnh viện Thống Nhất cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, P.ĐT-CĐT (MN/03b)

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

Lê Đình Thanh

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
Dành cho đào tạo Chuyên khoa II/ Chuyên khoa I/ Thạc sĩ/ Bác sĩ Nội trú Da liễu
(Tại 1 thời điểm)

(đính kèm bản công bố số 621 /BVTN-ĐT-CĐT ngày 13 tháng 03 năm 2026)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	**Chuyên khoa cấp II**											
1.1	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Đại cương bệnh da liễu và vai trò của chuyên khoa da liễu trong y học	Chẩn đoán và điều trị bệnh da thường gặp. Lý giải được kết quả của các xét nghiệm da Thành thạo kê toa điều trị sau chẩn đoán Quán triệt và thực hiện được chức năng chuyên môn của chuyên khoa da liễu đối với y học và từng môi trường cơ sở khám chữa bệnh	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	1	5	30	3	0	2

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.2	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Miễn dịch da và bệnh da nhiễm trùng	Chẩn đoán và điều trị ngoại trú và nội trú các bệnh về da như: bệnh da nhiễm trùng, bệnh da nhiễm dịch và dị ứng, và một số bệnh da khác ở phụ nữ, trẻ em và nam giới	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	1	5	30	3	0	2
1.3	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Bệnh lây truyền qua đường tình dục trên quy mô cộng đồng	Khám, chẩn đoán , điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục thường gặp Làm việc nhóm để lập kế hoạch và thực hiện có hiệu quả chương trình phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	1	5	30	3	0	2
1.4	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Bệnh phong và phản ứng phong	Khám, chẩn đoán , điều trị bệnh phong Làm việc nhóm để lập kế hoạch và thực hiện có hiệu quả chương trình phòng chống bệnh phong, phòng ngừa tàn phế ở bệnh nhân phong	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	1	5	30	3	0	2
1.5	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Bệnh da nội tiết và chuyển hóa	Tiếp cận và xử trí các biểu hiện da có thể gặp trong các bệnh lý hệ thống của hệ nội tiết	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	1	5	30	3	0	2

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.6	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Cấp cứu da liễu và các bệnh lý đe dạo tính mạng	Khám, chẩn đoán và xử trí các bệnh lý da cấp cứu, nguy hiểm tính mạng như vảy nến mủ, pemphigus, SJS/TENS và các nhiễm trùng nặng	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	1	5	30	3	0	2
1.7	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Phát ban da và bệnh da thường gặp ở trẻ em	Khám, chẩn đoán và điều trị các biểu hiện da ở trẻ em trong bối cảnh cấp cứu, sàng lọc tại bệnh viện	Khoa khám bệnh	1	5	30	3	0	2
1.8	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Mạng lưới và hoạt động chỉ đạo tuyến chuyên khoa da liễu	Làm việc nhóm để lập kế hoạch và thực hiện có hiệu quả chương trình chăm sóc ban đầu, hoạt động chỉ đạo tuyến trong khám, chữa bệnh và chuyển tuyến	Phòng Đào tạo - Chỉ đạo tuyến	1	0	0	0	0	2
1.9	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	U lành tính và ác tính của da	Chẩn đoán, khẳng định chẩn đoán và điều trị bệnh da u (lành tính và ác tính)	Khoa khám bệnh	1	5	30	3	0	2
1.10	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Đại cương bệnh da ở người cao tuổi	Tầm soát, chẩn đoán và điều trị các bệnh da nội trú và ngoại trú ở người cao tuổi	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	1	5	30	3	0	2

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.11	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Kiểm soát các bệnh lý rối loạn sắc tố da	Chẩn đoán, điều trị và kiểm soát lâu dài một số bệnh lý rối loạn sắc tố (nám má, bạch biến, bạch tạng, …)	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	1	5	30	3	0	2
1.12	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Đại cương bệnh da tự miễn	Chẩn đoán, khẳng định chẩn đoán và điều trị các bệnh lý da tự miễn (lupus, viêm bì cơ, xơ cứng bì)	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	1	5	30	3	0	2
1.13	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Thủ thuật, kỹ thuật điều trị bệnh da liễu	Chỉ định, thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật đặc thù trong điều trị các bệnh lý da liễu và thẩm mỹ	Khoa khám bệnh	1	5	30	3	0	2
1.14	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Bệnh da liên quan di truyền	Khám, chẩn đoán và điều trị các biểu hiện da và hệ thống trong bối cảnh các rối loạn mang tính di truyền	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	1	5	30	3	0	2
1.15	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Xét nghiệm và kỹ thuật chẩn đoán bệnh da liễu	Chỉ định, thực hiện xét nghiệm và kỹ thuật chuẩn đoán trong các bệnh lý da liễu	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	1	5	30	3	0	2
1.16	CK62720725	Chuyên khoa cấp II	Da liễu	Phẫu thuật da	Chỉ định và thực hiện các phẫu thuật da	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	1	5	30	3	0	2

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	**Chuyên khoa cấp I**											
2.1	CK6272025	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	Da liễu đại cương	Thực hiện khám da và nhận diện các thương tổn cơ bản Diễn giải được một số kết quả xét nghiệm Tra cứu thông tin của các loại thuốc thường dùng trong điều trị da	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
2.2	CK6272025	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	Bệnh học da liễu cơ bản	Thăm khám và nhận biết được biểu hiện lâm sàng của các bệnh da liễu thường gặp Tổng hợp, phân tích được biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các bệnh da liễu thường gặp Áp dụng Y học chứng cứ vào lập luận và phân tích để đưa ra điều trị phù hợp.	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
2.3	CK6272025	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	Bệnh học da liễu nâng cao	Thăm khám và nhận biết được biểu hiện lâm sàng của các bệnh da liễu phức tạp. Tổng hợp, phân tích được biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
					lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các bệnh da liễu thường gặp Áp dụng Y học chứng cứ vào lập luận và phân tích để đưa ra điều trị phù hợp.							
2.4	CK6272025	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	Thẩm mỹ da cơ bản	Thăm khám và nhận biết được biểu hiện lâm sàng của các rối loạn thẩm mỹ da thường gặp Tổng hợp phân tích được các biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các rối loạn thẩm mỹ da thường gặp . Vận dụng kiến thức bệnh học vào quản lý điều trị phù hợp	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
2.5	CK6272025	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	Thủ thuật trong da liễu	Chỉ định, thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật đặc thù trong điều trị các bệnh lý da liễu và thẩm mỹ	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
2.6	CK6272025	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	Bệnh da liễu hiếm gặp	Thăm khám và nhận biết được biểu hiện lâm sàng của các bệnh da liễu hiếm gặp Tổng hợp, phân tích	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
					được các biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các bệnh da liễu hiếm gặp. Áp dụng y học chứng cứ và phân tích để đưa ra điều trị phù hợp							
2.7	CK6272025	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	Bệnh da liễu và các chuyên khoa khác	Thăm khám và nhận biết được các biểu hiện tổn thương da trong các biểu hiện tổn thương da trong các bệnh lý và rối loạn hệ thống. Tổng hợp, phân tích được các biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các biểu hiện tổn thương da trong các bệnh lý và rối loạn hệ thống. Áp dụng y học chứng cứ vào lập luận và phân tích để đưa ra điều trị phù hợp.	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2.8	CK6272025	Chuyên khoa cấp I	Da liễu	Thủ thuật thẩm mỹ da liễu nâng cao	Kỹ thuật nội khoa không/ít xâm lấn (laser, RF, HIFU, căng chỉ, tiêm filler/Botox) và phẫu thuật căng da, giúp trẻ hóa, nâng cơ, và điều trị tổn thương da sâu.	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
3	**Thạc sĩ**											
3.1	8720107	Thạc sĩ	Da liễu	Da liễu đại cương	Mô tả tổn thương cơ bản các bệnh da thường gặp. Khám và làm bệnh án Da Liễu. Tham dự hoạt động nhóm và báo cáo nhóm	Khoa khám bệnh	5	25	30	3	0	20
3.2	8720107	Thạc sĩ	Da liễu	Bệnh lý tóc và móng	Mô tả tổn thương cơ bản các bệnh tóc và móng thường gặp. Khám và trình ca lâm sàng. Tham dự hoạt động nhóm và báo cáo nhóm	Khoa khám bệnh	5	25	30	3	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3.3	8720107	Thạc sĩ	Da liễu	Bệnh lây truyền qua đường tình dục	Quan sát, lấy bệnh sử , thực hiện chuẩn đoán, chỉ định xét nghiệm, lập kế hoạch can thiệp các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Tham dự hoạt động nhóm và báo cáo nhóm	Khoa khám bệnh	5	25	30	3	0	20
3.4	8720107	Thạc sĩ	Da liễu	Bệnh phong	Quan sát, lấy bệnh sử , thực hiện chuẩn đoán, chỉ định xét nghiệm, lập kế hoạch can thiệp các bệnh phong và tàn tật do phong. Tham dự hoạt động nhóm và báo cáo nhóm	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
3.5	8720107	Thạc sĩ	Da liễu	Bệnh da rối loạn sắc tố và biến dưỡng	Mô tả tổn thương cơ bản các bệnh rối loạn sắc tố, biến dưỡng thường gặp. Khám và làm bệnh án Da Liễu. Tham dự hoạt động nhóm và báo cáo nhóm	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3.6	8720107	Thạc sĩ	Da liễu	Bệnh da liên quan đến nội tiết và thai kỳ	Mô tả tổn thương cơ bản các bệnh nội tiết và thai kỳ thường gặp . Khám và làm bệnh án Da liễu .Tham dự hoạt động nhóm và báo cáo nhóm	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
3.7	8720107	Thạc sĩ	Da liễu	Laser và các nguồn khác trong chăm sóc da	Quan sát, lấy bệnh sử, thực hiện lượng giá, lập kế hoạch can thiệp bằng Laser và các thiết bị phát năng lượng khác cho các tình trạng da bình thường và bệnh lý . Kiến tập sử dụng kỹ thuật laser CO2	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
3.8	8720107	Thạc sĩ	Da liễu	Bệnh da nhiễm trùng	Mô tả tổn thương cơ bản các bệnh da nhiễm trùng thường gặp. Khám và làm bệnh án Da liễu. Tham dự hoạt động nhóm và báo cáo nhóm.	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
3.9	8720107	Thạc sĩ	Da liễu	Bệnh da miễn dịch dị ứng	Mô tả tổn thương cơ bản các bệnh da miễn dịch dị ứng thường gặp. Khám và làm bệnh án Da liễu. Tham dự hoạt động nhóm và báo cáo nhóm.	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3.10	8720107	Thạc sĩ	Da liễu	Bệnh da di truyền	Mô tả tổn thương cơ bản các bệnh da di truyền thường gặp. Khám và làm bệnh án Da liễu. Tham dự hoạt động nhóm và báo cáo nhóm.	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
4	**Bác sĩ Nội trú**											
4.1	NT62723501	Bác sĩ Nội trú	Da liễu	Da liễu đại cương	Thực hành khám da và nhận diện các thương tổn cơ bản	Khoa khám bệnh	5	25	30	3	0	20
4.2	NT62723501	Bác sĩ Nội trú	Da liễu	Bệnh da nhiễm trùng	Khám, chẩn đoán , điều trị các bệnh da nhiễm trùng thường gặp	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
4.3	NT62723501	Bác sĩ Nội trú	Da liễu	Bệnh da miễn dịch và dị ứng	Khám, chẩn đoán , điều trị các bệnh da miễn dịch dị ứng thường gặp	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
4.4	NT62723501	Bác sĩ Nội trú	Da liễu	Bệnh da rối loạn sắc tố và biến dưỡng	Khám, chẩn đoán , điều trị các bệnh da rối loạn sắc tố và biến dưỡng thường gặp	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4.5	NT62723501	Bác sĩ Nội trú	Da liễu	Bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khám, chẩn đoán , điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục thường gặp. Làm việc nhóm để lập kế hoạch và thực hiện có hiệu quả chương trình phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
4.6	NT62723501	Bác sĩ Nội trú	Da liễu	Bệnh phong	Khám, chẩn đoán , điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục thường gặp. Làm việc nhóm để lập kế hoạch và thực hiện có hiệu quả chương trình phòng chống bệnh phong, phòng ngừa tàn phế ở bệnh nhân phong	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
4.7	NT62723501	Bác sĩ Nội trú	Da liễu	Bệnh học da liễu cơ bản	Thăm khám và nhận biết được biểu hiện lâm sàng của các bệnh da liễu thường gặp Tổng hợp, phân tích được biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các bệnh da liễu thường gặp	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
					Áp dụng Y học chứng cứ vào lập luận và phân tích để đưa ra điều trị phù hợp.							
4.8	NT62723501	Bác sĩ Nội trú	Da liễu	Bệnh học da liễu nâng cao	Thăm khám và nhận biết được biểu hiện lâm sàng của các bệnh da liễu phức tạp. Tổng hợp, phân tích được biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các bệnh da liễu thường gặp Áp dụng Y học chứng cứ vào lập luận và phân tích để đưa ra điều trị phù hợp.	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
4.9	NT62723501	Bác sĩ Nội trú	Da liễu	Bệnh da liễu và các chuyên khoa khác	Thăm khám và nhận biết được các biểu hiện tổn thương da trong các biểu hiện tổn thương da trong các bệnh lý và rối loạn hệ thống. Tổng hợp, phân tích được các biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các biểu hiện tổn thương	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
					da trong các bệnh lý và rối loạn hệ thống. Áp dụng y học chứng cứ vào lập luận và phân tích để đưa ra điều trị phù hợp.							
4.10	NT62723501	Bác sĩ Nội trú	Da liễu	Thẩm mỹ da cơ bản	Thăm khám và nhận biết được biểu hiện lâm sàng của các rối loạn thẩm mỹ da thường gặp Tổng hợp phân tích được các biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các rối loạn thẩm mỹ da thường gặp . Vận dụng kiến thức bệnh học vào quản lý điều trị phù hợp	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20
4.11	NT62723501	Bác sĩ Nội trú	Da liễu	Bệnh da liễu hiếm gặp	Thăm khám và nhận biết được biểu hiện lâm sàng của các bệnh da liễu hiếm gặp Tổng hợp, phân tích được các biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các bệnh da liễu hiếm gặp.	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	5	25	30	3	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
					Áp dụng y học chứng cứ và phân tích để đưa ra điều trị phù hợp							

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

Lê Đình Thanh

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH /SỐ LƯỢNG GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Dành cho đào tạo Chuyên khoa II/ Chuyên khoa I/ Thạc sĩ/ Bác sĩ Nội trú Da liễu

(đính kèm bản công bố số 621 /BVTN-ĐT-CĐT ngày 13 tháng 03 năm 2026)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	**Bác sĩ chuyên khoa II**									
1.	Trần Nguyên Ánh Tú	TS.BS	Da liễu	0030851 / HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	15	Bệnh da trong các mối liên quan các rối loạn cơ quan, hệ thống	Tiếp cận và xử trí các biểu hiện da có thể gặp trong các bệnh lý hệ thống	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	30

							Thủ thuật, kỹ thuật điều trị bệnh da liễu	Chỉ định, thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật đặc thù trong điều trị các bệnh lý da liễu và thẩm mỹ	Khoa khám bệnh	
2.	Trần Nguyên Ánh Tú	TS.BS		0030851 / HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	15	Bệnh da liên quan di truyền	Khám, chẩn đoán và điều trị các biểu hiện da và hệ thống trong bối cảnh các rối loạn mang tính di truyền	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	
2	**Bác sĩ chuyên khoa I**									
1	Trần Nguyên Ánh Tú	TS.BS	Da liễu	0030851 / HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	15	Bệnh học da liễu nâng cao	Thăm khám và nhận biết được biểu hiện lâm sàng của các bệnh da liễu phức tạp. Tổng hợp, phân tích được biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các bệnh da liễu thường gặp Áp dụng Y học chứng cứ vào lập luận và phân tích để đưa ra điều trị phù hợp.	Khoa Da liễu - miễn dịch và dị ứng	30

2	Nguyễn Thị Trà My	BS.CKI	Da liễu	009732/ DL-CCHN 1311/Q Đ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội khoa; Da liễu	4	Thẩm mỹ da cơ bản	Thăm khám và nhận biết được biểu hiện lâm sàng của các rối loạn thẩm mỹ da thường gặp Tổng hợp phân tích được các biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các rối loạn thẩm mỹ da thường gặp Vận dụng kiến thức bệnh học vào quản lý điều trị phù hợp		
3	Phạm Nhật Nguyên	BS.CKI/ BS Nội trú	Da liễu	053173/ HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	8	Bệnh học da liễu cơ bản	Thăm khám và nhận biết được biểu hiện lâm sàng của các bệnh da liễu thường gặp Tổng hợp, phân tích được biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các bệnh da liễu thường gặp Áp dụng Y học chứng cứ vào lập luận và phân tích để đưa ra điều trị phù hợp.	Khoa Da liễu - miễn dịch và dị ứng	30

4	Châu Quốc Khánh	Bác sĩ nội trú	Da liễu	058324/ HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	5	Bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khám, chẩn đoán , điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục thường gặp. Làm việc nhóm để lập kế hoạch và thực hiện có hiệu quả chương trình phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục	Khoa Da liễu - miễn dịch và dị ứng	30
5	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	BS.CKI/ Bác sĩ nội trú	Da liễu	006357/ HCM-GPHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	3	Bệnh phong	Khám, chẩn đoán , điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục thường gặp. Làm việc nhóm để lập kế hoạch và thực hiện có hiệu quả chương trình phòng chống bệnh phong, phòng ngừa tàn phế ở bệnh nhân phong	Khoa Da liễu - miễn dịch và dị ứng	30
3	**Thạc sĩ/Bác sĩ Nội trú**									
1	Trần Nguyên Ánh Tú	TS.BS	Da liễu	0030851 / HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	15	Laser và các nguồn khác trong chăm sóc da	Quan sát, lấy bệnh sử, thực hiện lượng giá, lập kế hoạch can thiệp bằng Laser và các thiết bị phát năng lượng khác cho các tình trạng da bình thường và bệnh lý . Kiến tập sử dụng kỹ thuật laser CO2	Khoa Da liễu - miễn dịch và dị ứng	30

2	Nguyễn Đoàn Lâm Nguyệt	ThS. BS	Nội khoa	004241/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	3	Bệnh lý tóc và móng	Mô tả tổn thương cơ bản các bệnh tóc và móng thường gặp. Khám và trình ca lâm sàng. Tham dự hoạt động nhóm và báo cáo nhóm	Khoa Da liễu - miễn dịch và dị ứng	30
3	Phạm Nhật Nguyên	Bác sĩ nội trú	Da liễu	053173/ HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	8	Bệnh da nhiễm trùng	Mô tả tổn thương cơ bản các bệnh da nhiễm trùng thường gặp. Khám và làm bệnh án Da liễu. Tham dự hoạt động nhóm và báo cáo nhóm.	Khoa Da liễu - miễn dịch và dị ứng	30
							Bệnh da miễn dịch dị ứng	Mô tả tổn thương cơ bản các bệnh da miễn dịch dị ứng thường gặp. Khám và làm bệnh án Da liễu. Tham dự hoạt động nhóm và báo cáo nhóm.		
							Bệnh da rối loạn sắc tố và biến dưỡng	Khám, chẩn đoán , điều trị các bệnh da rối loạn sắc tố và biến dưỡng thường gặp		

4	Châu Quốc Khánh	Bác sĩ nội trú	Da liễuDa liễu	058324/ HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	5	Bệnh da liễu hiếm gặp	Thăm khám và nhận biết được biểu hiện lâm sàng của các bệnh da liễu hiếm gặp Tổng hợp, phân tích được các biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các bệnh da liễu hiếm gặp. Áp dụng y học chứng cứ và phân tích để đưa ra điều trị phù hợp	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	30
							Bệnh phong	Khám, chẩn đoán , điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục thường gặp. Làm việc nhóm để lập kế hoạch và thực hiện có hiệu quả chương trình phòng chống bệnh phong, phòng ngừa tàn phế ở bệnh nhân phong	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	

5	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	Bác sĩ nội trú	Da liễu	006357/HCM-GPHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	3	Bệnh da liễu và các chuyên khoa khác	Thăm khám và nhận biết được các biểu hiện tổn thương da trong các biểu hiện tổn thương da trong các bệnh lý và rối loạn hệ thống. Tổng hợp, phân tích được các biểu hiện lâm sàng, giải phẫu bệnh và cận lâm sàng để góp phần chẩn đoán xác định các biểu hiện tổn thương da trong các bệnh lý và rối loạn hệ thống. Áp dụng y học chứng cứ vào lập luận và phân tích để đưa ra điều trị phù hợp.	Khoa Da liễu - Miễn dịch dị ứng	30
								Khám, chẩn đoán , điều trị các bệnh da rối loạn sắc tố và biến dưỡng thường gặp		

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

Lê Đình Thanh

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Dành cho đào tạo Chuyên khoa II/ Chuyên khoa I/ Thạc sĩ/ Bác sĩ Nội trú Da liễu

(đính kèm bản công bố số 621 /BVTN-ĐT-CĐT ngày 13 tháng 03 năm 2026)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
I	**Mô hình, thiết bị**		
1.	Máy laser CO_2	2	
2.	Máy chăm sóc da đa dụng (meso, RF, hút áp lực âm)	1	
3.	Máy laser QS	1	
4.	Máy nâng cơ ứng dụng sóng siêu âm	1	
5.	Ghế điều chỉnh tư thế	2	
6.	Giường thủ thuật	2	
7.	Đèn LED điều trị	1	
8.	Máy Meso lạnh	1	
II	**Dụng cụ hỗ trợ giảng dạy**		
1.	Phòng bệnh	7	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
2.	Phòng thủ thuật	1	
3.	Phòng thủ thuật STI	1	
4.	Đơn vị thẩm mỹ nội khoa	1	
5.	Phòng giao ban tại khoa	1	
6.	Phần mềm quản lý hồ sơ bệnh án bệnh nhân Hsoft	1	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

Lê Đình Thanh

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC I
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
Dành cho đào tạo Chuyên khoa II/NỘI KHOA - NGOẠI KHOA
(Tại 1 thời điểm)
(đính kèm bản công bố số 621 BVTN-ĐT-CĐT ngày 13 tháng 03 năm 2026)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
I.	**CHUYÊN KHOA II NỘI KHOA**											
1		Chuyên khoa cấp II	Nội khoa	Khám chữa bệnh Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa	Khoa Nội tiêu hóa	1	5	2	6	0	5
						Khoa Nội tim mạch	1	5	2	6	0	5
						Khoa Nội tiết	1	5	2	6	0	5
						Khoa Nội Hô hấp	1	5	2	6	0	5
						Khoa Nội Cơ xương khớp	1	5	2	6	0	5
						Khoa Nội thần kinh	1	5	2	6	0	5
						Khoa Nội nhiễm	1	5	2	6	0	5

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
		Chuyên khoa cấp II	Nội khoa	Khám chữa bệnh Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa	Khoa Nội thận - lọc máu	1	5	2	6	0	5
						Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	1	5	2	6	0	5
						Khoa Cấp cứu	1	5	2	6	0	5
						Khoa Ung bướu	1	5	2	6	0	5
						Tim mạch cấp cứu - can thiệp	1	5	2	6	0	5
						Nhịp tim	1	5	2	6	0	5
						Khoa Phục hồi chức năng	1	5	2	6	0	5
TỔNG CỘNG							14	70	28	84	0	70
II.	**CHUYÊN KHOA II NGOẠI KHOA**											
2		Chuyên khoa cấp II	Ngoại khoa	Khám chữa bệnh Ngoại khoa	Thực hành khám chữa bệnh ngoại khoa	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	1	5	2	6	0	5
						Ngoại tim mạch lồng ngực	1	5	2	6	0	5

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
						Ngoại thận - tiết niệu	1	5	2	6	0	5
						Ngoại tiêu hóa	1	5	2	6	0	5
						Ngoại Gan mật tụy	1	5	2	6	0	5
						Ngoại thần kinh	1	5	2	6	0	5
						Tai mũi họng	1	5	2	6	0	5
						Mắt	1	5	2	6	0	5
						Phẫu thuật Gây mê hồi sức	1	5	2	6	0	5
						Phẫu thuật hàm mặt - tạo hình thẩm mỹ	1	5	2	6	0	5
TỔNG CỘNG							10	50	20	60	0	50

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

Lê Đình Thanh

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH /SỐ LƯỢNG GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
dành cho đào tạo chuyên khoa II - Nội khoa/ Ngoại khoa

(đính kèm bản công bố số 621 BVTN-ĐT-CĐT ngày 13 tháng 03 năm 2026)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
I.	**CHUYÊN KHOA II NỘI KHOA**									
1	Trần Thị Vân Anh	BS.CKII	Nội tổng hợp	0017951/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	25	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Bệnh nhiễm vi trùng chuyên sâu, Bệnh nhiễm siêu vi chuyên sâu, bệnh nhiễm ký sinh trùng chuyên sâu, Ứng dụng dịch tễ trong bệnh truyền nhiễm, Thủ thuật hồi sức cấp cứu trong bệnh nhiễm, Viêm gan siêu vi chuyên sâu, Hồi sức nhiễm người lớn chuyên sâu, Nhiễm trungd thần kinh trung ương, Sốt kéo dài	Nội nhiễm	3

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
2	Nguyễn Thị Mây Hồng	BS.CKII	Nội tổng hợp	0016236/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	26	Nội tiết	Bệnh đái tháo đường cơ bản, nâng cao Bệnh lý tuyến giáp, tuyến yên, tuyến thượng thận, sinh dục, giáp và thai kỳ, cấp cứu trong nội tiết Rối loạn nội tiết trên người cao tuổi, Bệnh lý tuyến cận giáp - loãng xương.	Nội tiết	3
3	Nguyễn Bách	PGS. TS.BS	Nội tổng hợp	0014557/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	30	Thận - Lọc máu	Bệnh thận mạn; bệnh thận cấp và tổn thương thận cấp; Bệnh cầu thận nguyên phát Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán, can thiệp và điều trị bệnh lý thận tiết niệu Cấp cứu thận tiết niệu trong nội khoa Bệnh lý ống thận mô kẽ Bệnh thận Đái tháo đường Các biến chứng của bệnh thận mạn	Nội thận - Lọc máu	3

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
4	Nguyễn Thị Phương Nga	BS.CKII	Nội tổng hợp	004533/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	26	Nội thần kinh	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ Chẩn đoán và điều trị động kinh Chẩn đoán và điều trị sa sút trí tuệ Chẩn đoán và điều trị bệnh thần kinh Chẩn đoán và điều trị bệnh mất myelin hệ thần kinh trung ương	Nội thần kinh	3
5	Nguyễn Văn Tân	PGS.TS. BS	Nội tổng hợp	001700/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	24	Tim mạch can thiệp	Điều trị can thiệp bệnh lý tim mạch Phẫu thuật ngoài tim và nguy cơ tai biên tim mạch	Tim mạch cấp cứu - Can thiệp	3
6	Trương Quang Khanh	TS.BS	Nội tổng hợp	0022013/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tim mạch	31	Nhịp tim	Khảo sát về điện tim sinh lý Điện tâm đồ nâng cao Điều trị Rối loạn nhịp tim Các kỹ thuật triệt đốt sóng cao tần (RFA), cấy máy tạo nhịp/ICD và sốc điện	Nhịp tim	3

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
7	Nguyễn Văn Bé Hai	BS.CKII	Nội tổng hợp	0016221/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	29	Nội tim mạch	Hội chứng động mạch vành cấp ở bệnh nhân đa bệnh lý Bệnh van tim, tăng huyết áp kháng trị Quản lý suy tim cấp và mạn Cập nhật nhật những tiến bộ chẩn đoán và điều trị nội khoa bệnh lý tim mạch Thuyên tắc phổi và huyết khối tĩnh mạch	Nội tim mạch	3
8	Nguyễn Thanh Huân	PGS.TS. BS	Nội tổng hợp	002465/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	15	Nội tim mạch	Hội chứng mạch vành mạn Bệnh cơ tim, bệnh màng tim và u tim Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn Hồi sức tim mạch nâng cao	Nội tim mạch	3

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
9	Ngô Thế Hoàng	BS.CKII	Nội Hô hấp	004562/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội Hô hấp	28	Nội Hô hấp	Viêm phổi cộng đồng và viêm phổi bệnh viện Bệnh lý màng phổi, phổi mô kẽ Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính: kiểu hình và điều trị Giãn phế quản: chẩn đoán và điều trị Suy hô hấp, bệnh lý hô hấp giấc ngủ, ung thư phổi Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý hô hấp Nội soi can thiệp	Nội Hô hấp	3
10	Đặng Thị Thùy Quyên	BS.CKII	Nội tổng hợp	0006253/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	21	Nội tiêu hóa	Bệnh lý thực quản Bệnh lý ruột non và hội chứng kém hấp thu Các thủ thuật điều trị cầm máu xuất huyết tiêu hóa qua nội soi	Nội tiêu hóa	3
11	Hà Vũ	BS.CKII	Nội tổng hợp	0003934/ĐT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	15	Nội tiêu hóa	Bệnh lý dạ dày - tá tràng, đại tràng bệnh lý đạ tràng Gan mật tụy Cập nhật những tiến bộ trong điều trị bệnh lý tiêu	Nội tiêu hóa	3

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								hóa Chẩn đoán và điều trị bệnh xuất huyết tiêu hóa Cấp cứu tiêu hóa Xơ gan và biến chứng		
12	Trần Mạnh Hoàng	BS.CKII	Ung bướu	0006219/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh theo chuyên khoa Ung bướu	17	Ung thư	Ung thư vú, Ung thư phụ khoa, Ung thư tổng quát, Ung thư tổng quát, ung thư tiêu hóa, Ung thư lồng ngực , Ung thư vùng đầu cổ, Ung thư niệu dục, sinh học ung thư, điều trị ung thư Chăm sóc giảm nhẹ trong ung thư Quản lý sau điều trị bệnh nhân ung thư Phòng ngừa và tầm soát ung thư	Ung bướu	3
13	Nguyễn Thụy Trang	BS.CKII	Nội tim mạch	0016162/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	17	Hồi sức cấp cứu	Cấp cứu nâng cao , Rối loạn nước, điện giải, toan kiềm Siêu âm trọng điểm trong thực hành y khoa (POCUS)	Cấp cứu	3

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
14	Hoàng Văn Quang	TS.BS	Nội khoa	0006192/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội khoa, Hồi sức cấp cứu	33	Hồi sức cấp cứu	Hỗ trợ hô hấp tuần hoàn qua màng ngoài cơ thể (ECMO) Các rối loạn nội tiết ở bệnh nhân nặng Chống độc nâng cao Theo dõi huyết động nâng cao Thông khí cơ học nâng cao Nhiễm trùng ở bệnh nhân hồi sức và nhiễm trùng bệnh viện	Hồi sức tích cực - chống độc	3
II.	**CHUYÊN KHOA II NGOẠI KHOA**									

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Duy Tân	TS. BS CKII	Ngoại Lồng ngực	002971/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	26	Ngoại tim mạch lồng ngực	Phẫu thuật bắc cầu mạch vành Các hệ thống hỗ trợ tuần hoàn ngắn hạn trong phẫu thuật tim Phẫu thuật xâm lấn tối thiểu và nội soi lồng ngực Phẫu thuậ và điều trị can thiệp van tim	Ngoại tim mạch lồng ngực	3
2	Trương Nguyễn Hoài Linh	Tiến sĩ (Ngoại Lồng ngực)	Ngoại Lồng ngực	00136/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	26	Ngoại tim mạch lồng ngực	Điều trị bệnh lý dị dạng mạch máu Chẩn đoàn và điều trị bênh lý tĩnh mạch chi dưới Chẩn đoán và điều trị động mạch chi dưới chuyên sâu	Ngoại tim mạch lồng ngực	3

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
3	Nguyễn Hữu Huỳnh Hải	BS.CKII	Chuyên khoa Ngoại	0016191/ BYT_CC HN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	16	Ngoại thần kinh	Chấn thương sọ não nâng cao, Hồi sức ngoại thần kinh Bệnh lý cột sống thắt lưng nâng cao Túi phình động mạch não	Ngoại thần kinh	3
4	Nguyễn Thanh Nhật Tâm	BS.CKII	Chuyên khoa Ngoại	005762/K G-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	10	Ngoại thần kinh	Bệnh lý thoái hóa cột sống cổ Chấn thương cột sống Chấn thương cột sống ngực - thắt lưng	Ngoại thần kinh	3
5	Phan Ngọc Tuấn	BS.CKII	Chấn thương chỉnh hình	005332/B YT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình	26	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	Kỹ thuật điều trị di chứng chấn thương chi trên, chi dưới Điều trị bệnh lý cơ xương khớp Kỹ thuật điều trị các gãy xương phức tạp vùng khớp	Ngoại thần kinh	3
6	Lý Văn Quảng	BS.CKII	Ngoại niệu	0006261/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	25	Ngoại thận - tiết niệu	Cấp cứu tiết niệu không chấn thương;	Ngoại thận - tiết	3

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
					Ngoại Tiết niệu			Sỏi tiết niệu; Nhiễm khuẩn đường tiết niệu; Giải phẫu và sinh lý học tiết niệu; Dị tật và bệnh bẩm sinh đường tiết niệu	niệu	
7	Hồ Hữu Đức	TS.BS	Ngoại tiêu hóa	0020342/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa	23	Ngoại tiêu hóa	Ngoại cơ sở và cấp cứu bụng; Ngoại tiêu hóa thành bụng; Hậu môn trực tràng	Ngoại tiêu hóa	3
8	Nguyễn Khánh Vân	BS.CKII	Ngoại khoa	0017976/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa	31	Ngoại Gan mật	Ngoại Gan mật tuy lách; kỹ năng thực hành: Cấp cứu, phẫu thuật tiêu hóa gan mật	Ngoại Gan mật	3
9	Nguyễn Hải Nam	Tiến sĩ	Ngoại khoa	032358/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	9	Ngoại Gan mật	Ngoại Gan mật tuy lách; kỹ năng thực hành: Cấp cứu, phẫu thuật tiêu hóa gan mật	Ngoại Gan mật	3

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
10	Trần Đình Tùng	BS.CKII	Mắt	0006223/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	31	Mắt	Ngoại Gan mật tuy lách; kỹ năng thực hành: Cấp cứu, phẫu thuật tiêu hóa gan mật	Mắt	3
11	Trương Hoàng Việt	BS.CKII	Tai mũi họng	0022017/ BYT-CCHN	Khám chữa bênh chuyên khoa Tai Mũi Họng	22	Tai mũi họng	Vận dụng kiến thức về bệnh học và điều trị trong chuyên ngành Tai Mũi Họng vào thực hành chăm sóc người bệnh. Thực hành các thủ thuật/ phẫu thuật và chuyên sâu thuộc chuyên ngành Mũi họng	Tai mũi họng	3
12	Huỳnh Công Dũng	BS.CKII	Tai mũi họng	004546/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	22	Tai mũi họng	Vận dụng kiến thức về bệnh học và điều trị trong chuyên ngành Tai Mũi Họng vào thực hành chăm	Tai mũi họng	3

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								sóc người bệnh. Thực hành các thủ thuật/ phẫu thuật và chuyên sâu thuộc chuyên ngành Mũi họng		
13	Trương Vân Anh	BS.CKII	Gây mê hồi sức	0016211/ BYT-CCHN	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	19	Gây mê hồi sức	Ra quyết định điều trị các bệnh lý Hồi sức ngoại khoa dựa trên thông tin lâm sàng, thăm khám, phân tích cận lâm sàng và y học chứng cứ. Thực hành Gây mê hồi sức cho các loại phẫu thuật phức tạp trên người bệnh và người bệnh có bệnh lý đi kèm phúc tạp dựa trên thông tin lâm sàng, thăm khám, phân tích cận lâm sàng và y học	Phẫu thuật Gây mê hồi sức	3

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								chứng cứ. Thực hành các thủ thuật nâng cao thuộc chuyên ngành Gây mê hồi sức		

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

Lê Đình Thanh

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI BỆNH VIỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
dành cho đào tạo chuyên khoa II - Nội khoa/ Ngoại khoa

(đính kèm bản công bố số 621 BVTN-ĐT-CĐT ngày 13 tháng 03 năm 2026)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
I	**Mô hình, thiết bị**		
1.	Mô hình cả người lớn nam	1	
2.	Mô hình cả người lớn nữ	1	
3.	Mô hình hồi sinh tim phổi	1	
4.	Mô hình kiểm soát đường thở	1	
5.	Mô hình cấp cứu đa chức năng	1	
6.	Máy sốc điện	1	
7.	Bộ đèn đặt nội khí quản	1	
8.	Đèn đọc phim Xquang	1	
II	**Dụng cụ hỗ trợ giảng dạy**		
1.	Phòng học	1	
2.	Máy tính (laptop)	1	
3.	Máy chiếu	1	
4.	Màng chiếu	1	
5.	Bảng viết lớn	1	
6.	Hệ thống âm thanh	1	
7.	Micro	2	
8.	Phòng giao ban tại khoa	25	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
9.	Phòng bó bột, Phòng tiểu phẫu	2	
10.	Phần mềm quản lý hồ sơ bệnh án bệnh nhân Hsoft	1	
11.	Hệ thống truyền hình ảnh PACS	1	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

Lê Đình Thanh

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
Dành cho đào tạo Chuyên khoa I/ Thạc sĩ/ Dinh Dưỡng
(đính kèm bản công bố số 621 /BVTN-ĐT-CĐT ngày 13 tháng 03 năm 2026)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1.1	CK1 Dinh dưỡng	CKI	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng lâm sàng	Dinh dưỡng nội khoa	Nội tim mạch	1	5	0	3	0	2
					Dinh dưỡng ngoại khoa	Ngoại tiêu hóa	1	5	0	3	0	2
					Dinh dưỡng trong hồi sức cấp cứu	Hồi sức tích cực chống độc	1	5	0	3	0	2
1.2	CK1 Dinh dưỡng	CKI	Dinh dưỡng	Quản lý dinh dưỡng trong bệnh viện	Quản lý dinh dưỡng trong bệnh viện	Dinh dưỡng Lâm sàng	1	5	0	3	0	2
Tổng cộng							4	20	0	12	0	8

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
2.1	8720401	Thạc sĩ	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng lâm sàng	Dinh dưỡng nội khoa	Nội tim mạch	1	5	0	3	0	2
					Dinh dưỡng ngoại khoa	Ngoại tiêu hóa	1	5	0	3	0	2
					Dinh dưỡng trong hồi sức cấp cứu	Hồi sức tích cực chống độc	1	5	0	3	0	2
2.2	8720401	Thạc sĩ	Dinh dưỡng	Quản lý dinh dưỡng trong bệnh viện	Quản lý dinh dưỡng trong bệnh viện	Dinh dưỡng Lâm sàng	1	5	0	3	0	2
Tổng cộng							**4**	**20**	**0**	**12**	**0**	**8**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

Lê Đình Thanh

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Dành cho đào tạo Chuyên khoa I/ Thạc sĩ/ Dinh Dưỡng
(đính kèm bản công bố số 621 /BVTN-ĐT-CĐT ngày 13 tháng 03 năm 2026)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Quốc Cường	TS.BS.	Dinh dưỡng	012573/HCM-CCHN QĐ số 698/QĐ-SYT ngày 13/6/2018	Nhi Khoa và Dinh dưỡng Lâm sàng	20	- Quản lý Dinh dưỡng trong bệnh viện	- Quản lý Dinh dưỡng trong bệnh viện - Luận văn Tốt nghiệp	Dinh dưỡng Lâm sàng	5
2	Nguyễn Văn Bé Hai	BS.CKII	Tim mạch	0016221/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	29	Dinh dưỡng lâm sàng	Dinh dưỡng nội khoa	Nội tim mạch	5

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
3	Hồ Hữu Đức	TS.BS.	Ngoại tiêu hóa	0020342/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	23	Dinh dưỡng lâm sàng	Dinh dưỡng ngoại khoa	Ngoại tiêu hóa	5
4	Hoàng Văn Quang	TS.BS.	Hồi sức tích cực	0006192/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	33	Dinh dưỡng lâm sàng	Dinh dưỡng trong hồi sức cấp cứu	Hồi sức tích cực - chống độc	5

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

Lê Đình Thanh

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI BỆNH VIỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(đính kèm bản công bố số /BVTN-ĐT-CĐT ngày tháng năm 2026)

Stt	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
I	**Mô hình, thiết bị**		
1	Máy đo thành phần cơ thể Inbody Body Compósition Analysis S10	01	
2	Dụng cụ đo sức cơ cầm tay (Handgrip strength)	02	
3	Cân đo cân nặng	05	
4	Thước đo chiều cao	05	
5	Bộ dụng cụ khảo sát chế độ ăn 24 giờ	02	
6	Thước dây đo chu vi vòng cánh tay, chu vi vòng bắp chân, vòng eo, vòng mông	10	
7	Dụng cụ đo bề dày nếp gấp da (skinfold caliper)	05	
II	**Dụng cụ hỗ trợ giảng dạy**		
1.	Phòng học	01	
2.	Máy tính (laptop)	01	
3.	Máy chiếu	01	
4.	Màng chiếu	01	

5.	Bảng viết lớn	01	
6.	Hệ thống âm thanh	01	
7.	Micro	02	
8.	Phòng giao ban tại khoa	04	
9.	Phần mềm quản lý hồ sơ bệnh án bệnh nhân Hsoft	01	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT

Lê Đình Thanh